

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

QUÝ 4 NĂM 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Thông tin chung	2
3. Bảng cân đối kế toán	3 - 6
4. Báo cáo kết quả kinh doanh	7
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 24



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Mê Kông (“Công ty”) trước đây là Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 (Vinaconex 3) - thành viên Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam, là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101311837 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 17 tháng 9 năm 2002. Sau đó, Công ty cũng nhận được cấp các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 21 vào ngày 17 tháng 11 năm 2020.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là kinh doanh bất động sản, xây lắp và một số hoạt động khác được đăng ký trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 11, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Kiều Xuân Nam	Chủ tịch	
Ông Đặng Minh Huệ	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 03/06/2020
Ông Phạm Xuân Ưông	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 03/06/2020
Ông Phí Anh Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 03/06/2020

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Minh Huệ	Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Xuân Ưông	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08/09/2020
Bà Phùng Thị Thanh Giang	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/07/2020
		Miễn nhiệm ngày 17/09/2020

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (CÔNG TY MẸ)

QUÝ 4 NĂM 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		519.106.549.958	629.138.202.404
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	IV.1	61.980.672.546	104.604.448.782
1. Tiền	111		24.480.672.546	35.334.448.782
2. Các khoản tương đương tiền	112		37.500.000.000	69.270.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		291.973.419.432	371.090.629.666
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	IV.2	72.150.744.671	115.473.897.271
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	IV.3	44.412.568.061	54.664.309.700
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		47.106.784.604	13.000.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		178.123.457.102	237.772.557.701
7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(49.820.135.006)	(49.820.135.006)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	IV.4	165.152.457.980	152.990.080.837
1. Hàng tồn kho	141		171.289.613.480	159.127.236.337
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(6.137.155.500)	(6.137.155.500)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	453.043.119
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	166.667.000
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	286.376.119
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (CÔNG TY MẸ)

QUÝ 4 NĂM 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		581.405.800.410	238.927.594.253
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		96.713.790	96.713.790
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		96.713.790	96.713.790
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		12.236.438.170	12.792.976.193
1. Tài sản cố định hữu hình	221	IV.5	9.003.634.573	9.560.172.596
- Nguyên giá	222		26.623.108.289	27.516.687.267
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(17.619.473.716)	(17.956.514.671)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	IV.6	3.232.803.597	3.232.803.597
- Nguyên giá	228		4.690.894.383	4.690.894.383
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.458.090.786)	(1.458.090.786)
III. Bất động sản đầu tư	230	IV.7	36.520.342.727	39.868.754.727
- Nguyên giá	231		86.631.994.392	86.631.994.392
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(50.111.651.665)	(46.763.239.665)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.586.012.681	1.586.012.681
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.586.012.681	1.586.012.681
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	IV.8	528.724.249.670	183.274.249.670
1. Đầu tư vào công ty con	251		528.724.249.670	183.274.249.670
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.242.043.372	1.308.887.192
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.242.043.372	1.308.887.192
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.100.512.350.368	868.065.796.657

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (CÔNG TY MẸ)

QUÝ 4 NĂM 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		386.933.785.593	460.400.009.335
I. Nợ ngắn hạn	310		319.425.400.961	381.592.074.149
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	IV.9	57.695.953.168	68.583.384.533
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	IV.10	7.647.716.939	11.796.756.226
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	IV.11	35.378.590.226	8.483.766.673
4. Phải trả người lao động	314		254.355.492	259.860.492
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	IV.12	53.783.746.763	74.063.624.689
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	IV.13	3.910.206.000	3.892.809.750
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		117.878.626.125	124.610.022.510
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	IV.14	40.962.377.649	87.755.020.677
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.913.828.599	2.146.828.599
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		67.508.384.632	78.807.935.186
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	IV.13	43.351.384.632	47.906.046.922
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	IV.14	24.157.000.000	30.901.888.264
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (CÔNG TY MẸ)

QUÝ 4 NĂM 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		713.578.564.775	407.665.787.322
I. Vốn chủ sở hữu	410	IV.15	713.578.564.775	407.665.787.322
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		612.053.086.000	326.361.810.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		610.156.420.000	326.361.810.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		1.896.666.000	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.100.000.000	2.100.000.000
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		56.608.219	56.608.219
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		99.368.870.556	79.147.369.103
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		79.147.369.103	23.191.768.963
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		20.221.501.453	55.955.600.140
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.100.512.350.368	868.065.796.657

Người lập biểu



Kiều Thị Thu Trang

Kế toán trưởng



Phan Tạ Thanh Huyền

Lập xong vào ngày 01 tháng 01 năm 2021



 Đặng Minh Huệ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (CÔNG TY MẸ)

QUÝ 4 NĂM 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Quý 4		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.16	36.856.325.529	77.355.192.161	104.749.552.688	270.468.414.587
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	IV.16	36.856.325.529	77.355.192.161	104.749.552.688	270.468.414.587
4. Giá vốn hàng bán	11	IV.17	26.880.375.967	37.923.024.479	54.079.840.602	166.553.402.551
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9.975.949.562	39.432.167.682	50.669.712.086	103.915.012.036
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	IV.18	12.329.229.927	42.238.465	13.364.101.143	1.079.823.042
7. Chi phí tài chính	22	IV.19	1.633.840.583	871.948.775	2.609.872.486	2.814.690.898
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.633.840.583	871.948.775	2.609.872.486	2.814.690.898
8. Chi phí bán hàng	25		741.396.364	-	741.396.364	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	IV.20	12.077.267.100	12.676.205.495	34.956.630.615	33.064.028.226
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.852.675.442	25.926.251.877	25.725.913.764	69.116.115.954
11. Thu nhập khác	31		191.716.704	366.344.000	200.966.704	2.400.437.472
12. Chi phí khác	32		175.154.884	1.403.043.966	588.572.393	1.468.186.033
13. Lợi nhuận khác	40		16.561.820	(1.036.699.966)	(387.605.689)	932.251.439
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	IV.21	7.869.237.262	24.889.551.911	25.338.308.075	70.048.367.393
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.581.468.422	5.082.913.974	5.116.806.622	14.114.677.070
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.287.768.840	19.806.637.937	20.221.501.453	55.933.690.323

Người lập biểu



Kiều Thị Thu Trang

Kế toán trưởng



Phan Tạ Thanh Huyền

Lập xong ngày 19 tháng 01 năm 2021



Đặng Minh Huệ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (CÔNG TY MẸ)

QUÝ 4 NĂM 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Chỉ tiêu	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	25.338.308.075	70.048.367.393
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và Bất động sản đầu tư	02	4.641.667.045	4.909.744.000
- Các khoản dự phòng	03	(6.030.770.000)	
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá	04		
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(13.364.101.143)	(1.079.823.042)
- Chi phí lãi vay	06	2.609.872.486	2.814.690.898
- Các khoản điều chỉnh khác	06		
3. Lợi nhuận từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động	08	13.194.976.463	76.692.979.249
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	114.764.500.743	(110.859.253.319)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(12.162.377.142)	6.010.634.228
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(28.594.308.537)	19.969.296.629
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(766.489.180)	(784.290.450)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		
- Tiền lãi vay đã trả	14	(11.298.198.703)	(9.370.738.186)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(9.251.625.068)	(6.175.380.933)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(233.000.000)	(495.226.866)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	65.653.478.576	(25.011.979.648)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(878.906.455)	(16.021.669.090)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(38.766.808.604)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	4.660.024.000	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(348.000.000.000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	15.000.000.000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	489.333.539	1.079.823.042
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(367.496.357.520)	(14.941.846.048)

3
NC
P
PE
M
ĐA

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (CÔNG TY MẸ)

QUÝ 4 NĂM 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Chi tiêu	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	285.691.276.000	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các CSH, mua lại cp của DN đã phát hành	32		
3. Tiền thu từ đi vay	33	45.219.475.435	84.726.916.259
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(71.691.648.727)	(50.396.225.724)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	259.219.102.708	34.330.690.535
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(42.623.776.236)	(5.623.135.161)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	104.604.448.782	110.227.583.943
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	61.980.672.546	104.604.448.782

Lập, ngày 31 tháng 01 năm 2021

Người lập biểu



Kiều Thị Thu Trang

Kế toán trưởng



Phan Tạ Thanh Huyền



Đặng Minh Huệ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, TP Hà Nội
QUÝ 4 NĂM 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Mê Kông (“Công ty”) trước đây là Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 - thành viên Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam, là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101311837 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 17 tháng 9 năm 2002. Sau đó, Công ty cũng nhận được cấp các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 21 vào ngày 17 tháng 11 năm 2020.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là xây lắp, sản xuất và kinh doanh bất động sản và một số hoạt động khác được đăng ký trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 11, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Báo cáo tài chính Công ty Quý 4 năm 2020 của Công ty bao gồm Văn phòng Công ty và đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty.

II. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

1. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

3. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (VND).

4. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán: Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành

III. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Hàng tồn kho

Hàng hoá bất động sản

Bất động sản, quyền sử dụng đất được mua hoặc được xây dựng để bán hoặc để cho thuê dài hạn đáp ứng được điều kiện ghi nhận doanh thu một lần trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hoá bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hoá bất động sản bao gồm:

- Chi phí tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, các chi phí phát triển đất;
- Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, TP Hà Nội
QUÝ 4 NĂM 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết tính giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của hàng hoá bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành hàng hoá bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của hàng hoá bất động sản đó.

Hàng tồn kho khác

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho khác.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

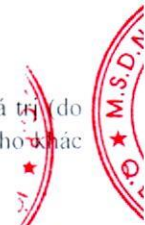
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, TP Hà Nội

QUÝ 4 NĂM 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

5. Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê:

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê:

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán riêng. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

01/04/2020
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, TP Hà Nội

QUÝ 4 NĂM 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất có thời hạn hoặc lâu dài được ghi nhận là tài sản cố định vô hình căn cứ trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

7. Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	6 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn	50 năm

8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Quyền sử dụng đất	20 - 30 năm
Cơ sở hạ tầng	20 - 30 năm

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn được cấp cho Công ty nhằm mục đích phát triển các bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được ngừng ghi nhận trong bảng cân đối kế toán riêng sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ được thực hiện khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ được thực hiện khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, TP Hà Nội

QUÝ 4 NĂM 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

11. Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

12. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Các khoản phải trả nhà thầu xây dựng cho dự án bất động sản được ghi nhận theo biên bản nghiệm thu khối lượng giữa hai bên, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

13. Các khoản dự phòng

Dự phòng chung

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khi Công ty cho rằng một phần hoặc toàn bộ chi phí để thanh toán một khoản dự phòng sẽ được hoàn lại, ví dụ như thông qua hợp đồng bảo hiểm, khoản bồi hoàn này chỉ được ghi nhận là một tài sản riêng biệt khi việc nhận được bồi hoàn là gần như chắc chắn. Chi phí liên quan đến các khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng sau khi đã trừ đi các khoản bồi hoàn.

Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của một khoản dự phòng cần được chiết khấu về giá trị hiện tại sử dụng tỷ lệ chiết khấu là tỷ lệ trước thuế và phản ánh rõ những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khi giá trị của khoản dự phòng được chiết khấu, phần tăng lên theo thời gian của khoản dự phòng được ghi nhận là chi phí tài chính.

Dự phòng chi phí bảo hành cho căn hộ

Công ty ước tính chi phí dự phòng bảo hành dựa trên doanh thu và các thông tin hiện có về việc sửa chữa của các căn hộ và biệt thự đã bán trong quá khứ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, TP Hà Nội

QUÝ 4 NĂM 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn các rủi ro trọng yếu và các lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang cho người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận khi phần lớn các rủi ro và lợi ích trọng yếu gắn liền với quyền sở hữu bất động sản được chuyển giao cho người mua.

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản cũng bao gồm doanh thu ghi nhận một lần từ việc cho thuê dài hạn bất động sản. Trường hợp thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, Công ty lựa chọn phương pháp ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Bên đi thuê không có quyền huy ngang hợp đồng thuê và doanh nghiệp cho thuê không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;
- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê; và
- Doanh nghiệp cho thuê phải ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

Doanh thu cho thuê

Doanh thu từ cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là doanh thu khi quyền lợi được nhận cổ tức của Công ty với tư cách là nhà đầu tư được xác định.

15. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán bằng cách dựa vào khối lượng công việc hoàn thành được nghiệm thu của dự án. Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, TP Hà Nội

QUÝ 4 NĂM 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNGĐịa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, TP Hà Nội
QUÝ 4 NĂM 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CĐKT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Đơn vị tính: VND

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	2.205.643.090	16.998.418.557
Tiền gửi ngân hàng	22.275.029.456	18.336.030.225
Các khoản tương đương tiền (*)	37.500.000.000	69.270.000.000
Cộng	61.980.672.546	104.604.448.782

(*) Đây là các khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại, có kỳ hạn dưới 3 tháng.

2. Phải thu khách hàng

Đơn vị tính: VND

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng bất động sản	24.629.673.427	35.204.517.419
Phải thu khách hàng công trình xây lắp	-	-
Phải thu khách hàng khác	47.521.071.244	80.269.379.852
Cộng	72.150.744.671	115.473.897.271

3. Trả trước người bán

Đơn vị tính: VND

	Cuối kỳ	Đầu năm
Trả trước các nhà thầu - Bất động sản	18.495.851.122	11.628.515.500
Trả trước người bán - Công trình xây lắp	11.033.888.610	14.290.629.369
Trả trước người bán khác	14.882.828.329	28.745.164.831
Cộng	44.412.568.061	54.664.309.700

4. Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.581.608.666	(482.985.153)	2.581.608.666	(482.985.153)
Chi phí SXKD dở dang	19.157.489.909	(3.821.540.378)	27.181.421.782	(3.821.540.378)
Thành phẩm	2.237.047.126	(1.832.629.969)	2.237.047.126	(1.832.629.969)
Hàng hóa bất động sản	147.313.467.779	-	127.127.158.763	-
Cộng	171.289.613.480	(6.137.155.500)	159.127.236.337	(6.137.155.500)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, TP Hà Nội

QUÝ 4 NĂM 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Tài sản cố định hữu hình					<i>Đơn vị tính: VND</i>
	Nhà cửa Vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ khác	Cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	14.695.171.270	8.001.900.669	4.100.659.438	718.955.890	27.516.687.267
Mua trong năm			705.633.749	860.445.455	1.566.079.204
XDCB hoàn thành					-
Thanh lý, nhượng bán		(2.089.658.182)	(370.000.000)		(2.459.658.182)
Số dư cuối kỳ	14.695.171.270	5.912.242.487	4.436.293.187	1.579.401.345	26.623.108.289
HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	9.263.900.615	7.082.432.454	891.225.712	718.955.890	17.956.514.671
Khấu hao trong năm	454.208.000	197.414.045	426.210.000	215.423.000	1.293.255.045
Thanh lý, nhượng bán		(1.550.131.000)	(80.165.000)		(1.630.296.000)
Số dư cuối kỳ	9.718.108.615	5.729.715.499	1.237.270.712	934.378.890	17.619.473.716
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	5.431.270.655	919.468.215	3.209.433.726	-	9.560.172.596
Tại ngày cuối kỳ	4.977.062.655	182.526.988	3.199.022.475	645.022.455	9.003.634.573

6. Tài sản cố định vô hình					<i>Đơn vị tính: VND</i>
	Quyền sử dụng đất	Bản quyền	Phần mềm	Cộng	
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	4.375.894.383	315.000.000		4.690.894.383	
Tăng trong kỳ				-	
Giảm trong kỳ				-	
Số dư cuối năm	4.375.894.383	315.000.000	-	4.690.894.383	
HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	1.143.090.786	315.000.000		1.458.090.786	
Khấu hao trong kỳ				-	
Thanh lý, nhượng bán				-	
Số dư cuối kỳ	1.143.090.786	315.000.000	-	1.458.090.786	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	3.232.803.597	-	-	3.232.803.597	
Tại ngày cuối kỳ	3.232.803.597	-	-	3.232.803.597	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, TP Hà Nội

QUÝ 4 NĂM 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Bất động sản đầu tư		<i>Đơn vị tính: VND</i>
NGUYÊN GIÁ		
Số đầu năm		86.631.994.392
Tăng trong kỳ		-
Giảm trong kỳ		-
Số cuối kỳ		86.631.994.392
HAO MÒN LŨY KẾ		
Số đầu năm		46.763.239.665
Khấu hao trong kỳ		3.348.412.000
Giảm trong kỳ		-
Số cuối kỳ		50.111.651.665
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm		39.868.754.727
Tại ngày cuối kỳ		36.520.342.727

Bất động sản đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất và cơ sở hạ tầng tại Chợ Thương (Bắc Giang), Chợ Phương Lâm (Hòa Bình) và Chợ Bo (Thái Bình).

8. Đầu tư tài chính dài hạn*Đơn vị tính: VND*

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con	528.724.249.670	-	183.274.249.670	-
Công ty CP Vật liệu Xây dựng Hà Nội	180.724.249.670	-	180.724.249.670	-
Công ty CP Xây lắp và Công nghệ số	-	-	2.550.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Bao Ninh	268.000.000.000	-	-	-
Công ty CP Đầu tư Phát triển Tân Mê Kông	80.000.000.000	-	-	-
Cộng	528.724.249.670	-	183.274.249.670	-

9. Phải trả người bán*Đơn vị tính: VND*

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả các nhà thầu - Dự án bất động sản	40.882.362.817	50.353.427.113
Phải trả các nhà thầu - Công trình xây lắp	16.813.590.351	18.150.068.954
Phải trả người bán khác	-	79.888.466
Cộng	57.695.953.168	68.583.384.533

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, TP Hà Nội

QUÝ 4 NĂM 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Người mua trả trước*Đơn vị tính: VND*

	Cuối kỳ	Đầu năm
Người mua trả trước - Bất động sản	4,948,491,927	7,941,734,440
Người mua trả trước - Công trình xây lắp	-	
Người mua trả trước khác	2,699,225,012	3,855,021,786
Cộng	7,647,716,939	11,796,756,226

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước*Đơn vị tính: VND*

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế GTGT	1,939,689,799	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	4,332,836,776	8,467,655,222
Thuế Thu nhập cá nhân	23,924,451	16,111,451
Tiền sử dụng đất Dự án Phố Yên	29,082,139,200	
Cộng	35,378,590,226	8,483,766,673

12. Chi phí phải trả*Đơn vị tính: VND*

	Cuối kỳ	Đầu năm
Trích trước chi phí dự phòng bảo hành và các chi phí công trình		
Trích trước chi phí các Dự án Bất động sản		
Trích trước chi phí lãi vay		
Chi phí phải trả khác	53,783,746,763	74,063,624,689
Cộng	53,783,746,763	74,063,624,689

13. Doanh thu chưa thực hiện*Đơn vị tính: VND*

	Cuối kỳ	Đầu năm
Ngắn hạn	3,910,206,000	3,892,809,750
Dự án Chợ Phương Lâm (Hòa Bình)	1,168,837,000	1,168,837,000
Dự án Chợ Thương (Bắc Giang)	1,534,952,000	1,517,555,750
Dự án Chợ Bo (Thái Bình)	1,206,417,000	1,206,417,000
Dài hạn	43,351,384,632	47,906,046,922
Dự án Chợ Phương Lâm (Hòa Bình)	16,987,057,197	18,223,964,977
Dự án Chợ Thương (Bắc Giang)	21,841,256,143	23,952,593,653
Dự án Chợ Bo (Thái Bình)	4,523,071,292	5,729,488,292
Cộng	47,261,590,632	51,798,856,672

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, TP Hà Nội

QUÝ 4 NĂM 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Vay	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Vay ngắn hạn	40.962.377.649	87.755.020.677
Vay ngân hàng	2.934.642.000	18.853.655.677
Vay tổ chức, cá nhân	2.420.000.000	7.965.365.000
Vay dài hạn đến hạn trả	35.607.735.649	60.936.000.000
Vay dài hạn	24.157.000.000	30.901.888.264
Vay ngân hàng	24.157.000.000	30.901.888.264
Vay tổ chức, cá nhân		
Cộng	65.119.377.649	118.656.908.941

15. Vốn chủ sở hữu**15.1 - Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ ĐTPT và Vốn khác	LNST chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm	326.361.810.000		2.156.608.219	79.147.369.103	407.665.787.322
Tăng vốn trong kỳ	283.794.610.000	1.896.666.000			285.691.276.000
Lợi nhuận trong kỳ				20.221.501.453	20.221.501.453
Giảm trong kỳ					-
Số dư cuối kỳ	610.156.420.000	1.896.666.000	2.156.608.219	99.368.870.556	713.578.564.775

15.2 - Cổ phiếu

	Cuối kỳ	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	61.205.309	61.205.309
Số lượng cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	61.205.309	61.205.309
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	61.205.309	61.205.309
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, TP Hà Nội

QUÝ 4 NĂM 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Doanh thu		<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	Kỳ này năm nay	Kỳ này năm trước	
Tổng doanh thu	36,856,325,529	77,355,192,161	
Trong đó:			
Doanh thu kinh doanh bất động sản	36,209,762,001	65,797,309,098	
Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	10,079,271,479	
Doanh thu cung cấp dịch vụ	646,563,528	1,478,611,584	
Các khoản giảm trừ doanh thu			
Doanh thu thuần	36,856,325,529	77,355,192,161	
17. Giá vốn hàng bán		<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	Kỳ này năm nay	Kỳ này năm trước	
Giá vốn kinh doanh bất động sản	26,694,589,119	29,489,974,826	
Giá vốn hợp đồng xây dựng	-	8,252,856,916	
Giá vốn cung cấp dịch vụ	185,786,848	180,192,737	
Cộng	26,880,375,967	37,923,024,479	
18. Doanh thu hoạt động tài chính		<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	Kỳ này năm nay	Kỳ này năm trước	
Lãi tiền gửi, cho vay	301,772,000	42,238,465	
Lãi thanh lý khoản đầu tư	12,027,457,768	-	
Cộng	12,329,229,768	42,238,465	
19. Chi phí tài chính		<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	Kỳ này năm nay	Kỳ này năm trước	
Lãi tiền vay	1,633,840,583	871,948,775	
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư	-	-	
Dự phòng các khoản đầu tư	-	-	
Cộng	1,633,840,583	871,948,775	

